‘TÒA ÁN NHÂN DÂN **‘HUYỆN CAO LÃNH** **‘TỈNH ĐỒNG THÁP** Số: 154/2023/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Cao Lãnh, ngày 18 tháng 8 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bé Hai.
2. Ông Phạm Phước Tâm.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 307/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị N**, sinh năm 19XX; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện hợp của bà Trần Thị N, sinh năm 1967: Ông Trần Văn Minh, sinh năm 19XX, địa chỉ: Tổ XX, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/7/2022).

2. Bị đơn: Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1951;

Địa chỉ: ấp 4, xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trương Văn H: Luật sư Phạm Hoàng Đức – Công ty Luật hợp danh Anh Em Luật sư- Chi nhánh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 3.1. Bà **Trần Thị U**, sinh năm 19XX;

3.2. Chị **Trương Thúy L** sinh năm 19XX;

3.3. Anh **Trương Văn L1** sinh năm 19XX;

3.4. Chị **Trương Thanh M**, sinh năm 19XX;

Cùng địa chỉ: tổ X, ấp X, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 19XX;

3.6. Chị **Trần Thị Tuyết N1**, sinh năm 19XX;

3.7. Anh **Trần Vĩnh T**, sinh năm 20XX;

Cùng địa chỉ: Tổ X, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hộ ông Trương Văn H, bà Trần Thị U, chị Trương Thúy L, anh Trương Văn L1, chị Trương Thanh M (gọi tắt là hộ ông Trương Văn H) đồng ý giao cho bà Trần Thị N diện tích đất 239,5m^2 (đất trồng lúa) được xác định trong phạm vi các mốc: mốc 5A- mốc 9- mốc 8A- mốc 8-mốc 7-mốc 6-mốc 5- mốc 5A, theo sơ đồ đo đạc ngày 03/8/2022, đo đạc bổ sung ngày 16/6/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp, thuộc thửa số 325, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Hộ ông Trương Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 828,9m^2 (đất trồng lúa), diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc: mốc 5A- mốc 4- mốc 3- mốc 2-mốc 1-mốc 8A-mốc 9-mốc 5A, theo sơ đồ đo đạc ngày 03/8/2022, đo đạc bổ sung ngày 16/6/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp cung cấp, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh thu hồi diện tích đất theo đo đạc thực tế 828,9m^2 (đất trồng lúa), thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại xã Gáo Giồng, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp cho hộ bà Trần Thị N ngày 10/8/1999, số vào sổ cấp giấy số: 001117..QSDĐ/73/QĐ-UB và ngày 10/8/1999 để cấp lại cho hộ ông Trương Văn H.

- Hộ bà Trần Thị N, hộ ông Trương Văn H có quyền đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

- Cây trồng, vật kiến trúc, công trình xây dựng, tài sản của người nào có trên diện tích đất tranh chấp thì tự nguyện di dời các đương sự không tranh chấp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh và sơ đồ đo đạc ngày 03/8/2022 và ngày 16/6/2023 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Tháp).

- Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí và chi phí tố tụng khác:

+ Bà Trần Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người khuyết tật nên được miễn. Bà N được nhận lại 1.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0009453 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Ông Trương Văn H, bà Trần Thị U không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do được miễn.

+ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 10.390.945 đồng, bà Trần Thị N tự nguyện chịu 5.195.427 đồng; Ông Trương Văn H đồng ý chịu 5.195.427 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 165 Bộ Luật tố tụng dân sự. Do bà N đã nộp số tiền 10.390.945 đồng nên ông H phải nộp để trả lại cho bà N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- Chi cục THADS HCL;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Hà